

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Căn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bích Thủy.
- Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 41 đường H, phường Đ, thành phố H;

Chỗ ở hiện nay: Số 25/110 đường L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Duy Q, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 41 đường H, phường Đ, thành phố H;

Chỗ ở hiện nay: 21/02/06 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày: Chị và Anh Phạm Duy Q sau thời gian tìm hiểu được khoảng 05 năm rồi đi đến hôn nhân

trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T (Nay là phường Đ), thành phố H vào ngày 27/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ số 21/02/6 đường T, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Q có quan hệ nhiều lần với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nên từ tháng 5/2019 chị đã đưa hai con về nhà cha mẹ chị tại địa chỉ số 25/110 đường L, phường Đ, thành phố H để ở. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên chị gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Phạm Duy Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và Anh Phạm Duy Q có hai con chung là các cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 và Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay, cả hai cháu đều do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Quang B, còn cháu Phạm Duy Quang M chị đồng ý giao cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn. Hiện nay chị làm nghề buôn bán thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và Anh Phạm Duy Q tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị và Anh Phạm Duy Q không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản từ khai và biên bản hòa giải ngày 03/3/2023 Anh Phạm Duy Q trình bày: Về quá trình tìm hiểu cũng như đi đến hôn nhân anh thống nhất như phần trình bày của chị Trần Thị Hồng N. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã không sống chung với nhau nữa, nên cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với N nên anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án tạo điều kiện tổ chức thêm một buổi hòa giải nữa để vợ chồng có thể được hàn gắn tình cảm, trở lại sống chung với nhau.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hồng N có hai con chung là các cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 và Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay, cả hai cháu đều do chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp nếu ly hôn đặt ra thì anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Phạm Duy Quang M và Phạm Duy Quang B cho đến lúc các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Trần Thị Hồng N cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh và Trần Thị Hồng N không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn Anh Phạm Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N, chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với Anh Phạm Duy Q.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q không có nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Anh Phạm Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q sau thời gian tìm hiểu được 05 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T (Nay là phường Đ), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 27/3/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ 21/02/06 đường T, phường X, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 05 năm, đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Nên từ tháng 05/2019 chị Trần Thị Hồng N đã đưa hai con về nhà cha mẹ chị tại địa chỉ số 25 kiệt 110 đường L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H để ở. Từ đó, cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau ai biết bổn phận người đó.

Tại biên bản xác minh tại tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố H vào ngày 31/3/2023 có nội dung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q thường trú tại số 41 H (Thuộc tổ dân phố 2), phường Đ, thành phố H. Quá trình chung sống với nhau giữa anh Q và chị N thường xảy ra cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng trong tình trạng căng thẳng, nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ chị để ở từ hơn ba năm nay. Quá trình ly thân thì không thấy chị N qua lại thăm nom chồng và nhà chồng. Nay N có yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N, chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với Anh Phạm Duy Q.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q có hai con chung là các cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 và Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018. Hiện nay, cả hai cháu đều do N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2023, bản tự khai cũng như biên bản hòa giải ngày 03/3/2023 chị Trần Thị Hồng N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Phạm Duy Quang M và Phạm Duy Quang B và yêu cầu Anh Phạm Duy Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng, mỗi cháu 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản tự khai (Bổ sung ngày 10/8/2023) cũng như tại phiên tòa N thay đổi ý kiến, nay chị Trần Thị Hồng N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018 vì cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Còn cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 chị đồng ý giao cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì anh Q hiện nay làm nghề bán cà phê có thu nhập ổn định, đồng thời anh Q cũng thương con. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Phạm Duy Q thì có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Phạm Duy Quang M và Phạm Duy Quang B, anh không yêu cầu chị Trần Thị Hồng N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần phải căn cứ vào mọi mặt và nguyện vọng của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phạm Duy Quang M có nguyện vọng được ở với cha và N cũng đồng ý giao cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác hiện

nay anh Q làm nghề bán cà phê thu nhập mỗi tháng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, nên cần giao cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Do cháu Phạm Duy Quang M hiện nay đang do N trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần buộc chị Trần Thị Hồng N phải giao cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Phạm Duy Quang B còn nhỏ chưa đủ 05 tuổi cần phải có sự chăm sóc của mẹ, nên cần giao cháu Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N, chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với Anh Phạm Duy Q.

2. Về nuôi con chung: Buộc chị Trần Thị Hồng N phải giao cháu Phạm Duy Quang M, sinh ngày 13/7/2014 cho Anh Phạm Duy Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang M trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Duy Quang B, sinh ngày 15/8/2018 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Duy Quang B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Phạm Duy Q không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Trần Thị Hồng N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005545 ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Chị Trần Thị Hồng N đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
 - VKSND thành phố H;
 - Chi cục THADS thành phố H;
 - UBND phường Đ, thành phố H
- (Anh Q, N đăng ký kết hôn số: 23/2014, Quyền số: 01/2014, ngày 27/3/2014);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn

